

Bản án số: 468/2022/HS-PT
Ngày 15 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh;
Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;
Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Xuân Th; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1982; Nơi sinh: tỉnh Hòa Bình; Nơi đăng ký thường trú: Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình; Chỗ ở hiện nay: như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12; cha Nguyễn Hồng C, sinh năm 1947 (đã chết); mẹ Hoàng Thị H, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo sống như vợ chồng với chị Trần Thị Hồng sinh năm 1990 (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/11/2003, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong Bản án ngày 19/02/2004.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2016 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Đỗ Văn V - thuộc Công ty TNHH MTV Đức Việt, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Hoàng Trúc L, sinh năm 1994. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh năm 1989. Có mặt.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam TĐ, Bộ Công an.

3. Anh Nguyễn Th2, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

4. Chị Hoàng Thị Diệu H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: đường Tr, Khu phố 2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Trúc L, Nguyễn Anh T cùng Nguyễn Xuân Th là bạn quen biết ngoài xã hội và đều sử dụng trái phép ma túy tổng hợp (ma túy đá), nên L biết Th có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 10/7/2016, Hoàng Trúc L dùng điện thoại di động có số thuê bao 0933.900.100 để liên lạc với Th theo số 0986.205.798 để hỏi mua thiếu 100gam ma túy đá, với giá 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và Th đồng ý. Sau đó, Hoàng Trúc L nhờ bạn là Nguyễn Th2, ngụ ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm, huyện Th, tỉnh Đồng Nai thuê xe taxi (không rõ biển số, người điều khiển) đi Thành phố Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Xuân Th để nhận hộ đồ. Th2 không biết là nhận ma túy, nên Th2 đồng ý đồng thời Hoàng Trúc L cho số điện thoại di động trên của Nguyễn Xuân Th để Th2 liên lạc. Đến khoảng 02 giờ ngày 10/7/2016, Th2 dùng điện thoại có số thuê bao 0915.637.651 liên lạc với Th và Th hẹn gặp Nguyễn Th2 tại đoạn đường trước cổng bến xe M, thuộc quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Nguyễn Xuân Th giao cho Th2 01 túi xách rồi Th bỏ đi, còn Th2 mang túi xách này lên xe taxi đi về. Trên đường về, Nguyễn Th2 mở túi xách trên ra xem thì thấy bên trong phía trên có mấy chai nước uống, phía dưới một sấp tiền Việt Nam đồng (không rõ số tiền bao nhiêu) và dưới cùng là 01 bịch nylon màu đen bên trong chứa gì Th2 không rõ. Khoảng 04 giờ cùng ngày, Nguyễn Th2 điện thoại cho L thông báo đã về đến đoạn đường khu vực Công viên 30/4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hoàng Trúc L bảo Th2 ghé vào nhà thuê của Nguyễn Anh T và Nguyễn Thị Thanh Th1 (T, Th1 sống chung như vợ chồng) tại thôn B, xã B1, huyện Th, tỉnh Đồng Nai để đợi L đến lấy túi xách trên. Khi đến nhà thuê của Nguyễn Anh T, Th2 lấy số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong túi xách trên ra trả tiền xe taxi, rồi Th2 tự mở cửa và mang túi xách trên vào phòng thì thấy T cùng Th1 đang ngủ, nên Th2 để lại túi xách và đi ra ngoài phòng đợi Hoàng Trúc L. Khoảng 30 phút sau, Hoàng Trúc L đi đến gặp Th2 và Th2 chỉ cho L biết túi xách mà L nhờ đi lấy từ Th đang để trong phòng ngủ của T. Hoàng Trúc L một mình đi vào phòng ngủ của T thì thấy túi xách, Hoàng Trúc L mở túi xách ra thì thấy có mấy chai nước uống cùng số tiền 129.000.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu đồng) mà trước đó Hoàng Trúc L hỏi mượn Th để làm vốn kinh doanh quần áo cùng 01 bịch nylon màu đen bên trong có 01 gói nylon màu trắng có kích thước khoảng 16cm x 05cm, bên trong có chứa ma túy đá. Sau khi kiểm tra túi xong, Hoàng Trúc L vứt bỏ túi xách và các chai nước uống. Hoàng Trúc L lấy 01 điện thoại di động

hiệu Nokia không có sim, 01 giấy phép lái xe mô tô số 790163056096 mang tên Hoàng Trúc L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B4- 235.25 mang tên Trần Văn Th3 cùng số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó có 129.000.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu đồng) của Th cho mượn, 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng) của L để vào trong 01 túi xách màu nâu đưa cho Th2 giữ hộ túi xách này. Đến 09 giờ 30 phút ngày 10/7/2016, Hoàng Trúc L điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki biển số 86B4- 235.25 mang theo gói ma túy đá đến khu vực tổ 20, khu 4, ấp 1, xã An Hòa, thành phố B để bán cho người nghiện tên (Th4) không rõ lai lịch thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng quả tang thu giữ gồm: 01 (một) gói nylon có kích thước khoảng 16cm x 05cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu mẫu M1) là ma túy đá L mua của Th; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0933.900.100 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0934.563.900 là tài sản của L dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy; Số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) là tiền của L, L khai không liên quan đến việc mua bán ma túy; 01 xe mô tô hiệu SuZuki biển số 86B4-235.25. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm rõ nguồn gốc xe này, nên tách ra xử lý sau.

Đến 12 giờ ngày 10/7/2016, Nguyễn Anh T bị bắt khẩn cấp thu giữ trên người T gồm 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Anh T, 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng) là tài sản cá nhân của T, không liên quan đến việc phạm tội, 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0937.492.942 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia không có sim, không có nắp đậy phía sau; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86AH- 008.68 mang tên Phạm Tiến H.

Đến 12 giờ 30 phút ngày 10/7/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành khám xét tại nhà thuê của Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Thanh Th1 tại thôn B, xã B1, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai thì thu giữ tài sản gồm 08 viên nén tròn màu nâu đựng trong gói nylon hàn kín (kí hiệu mẫu M2) là thuốc lắc của T; 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu mẫu M3) là ma túy đá của T; 01 cân điện tử hiệu Mingheng của T dùng để cân ma túy; 01 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh; 01 máy tính bảng hiệu ipad; 01 laptop hiệu Tosiba; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B6- 192.29 mang tên Đỗ Ánh Ph; 01 hộ chiếu số B7120767 mang tên Nguyễn Thị Thanh Th1; 01 cái kéo bằng kim loại dài khoảng 10cm; 01 xe máy hiệu SH biển số 60B6- 192.29 và 01 xe máy hiệu ULTIMO biển số 60X5- 5896 - (Bút lục số 90).

Đến 14 giờ 40 phút ngày 10/7/2016, Nguyễn Thị Thanh Th1 bị bắt khẩn cấp thu giữ trên người gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh Th1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng có số thuê bao 0946.792.927; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám có số thuê bao 01677.444.455 và số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). - (Bút lục số 125).

Đến 12 giờ 05 phút ngày 10/7/2016, Nguyễn Xuân Th bị bắt khẩn cấp thu giữ trên người gồm 11.000.000đ (Mười một triệu đồng); 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Xuân Th; 01 giấy nộp tiền vào Ngân hàng BIDV của Nguyễn Xuân Th chuyển cho Hoàng Minh A số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) ngày 16/6/2016; 01 điện thoại di động hiệu HTC có số thuê bao 0969.229.222;

01 điện thoại di động hiệu Samsung không có sim; 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số thuê bao 0986.205.798 là điện thoại Th dùng để liên lạc bán ma túy cho L; 02 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, đều mang tên Nguyễn Xuân Th, 01 xe ô tô biển số 51F- 153.82. - (Bức lục số: 107).

Đến 18 giờ ngày 10/7/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành khám xét tại căn hộ B5 tầng 3, chung cư K thuộc tổ 36, khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Xuân Th nhờ Hoàng Thị Diệu H (bạn Th) đứng ra thuê hộ và thu giữ gồm 02 bịch nylon màu trắng có kích thước khoảng 10cm x 15cm mỗi bịch, bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu mẫu M4) Th khai là ma túy tổng hợp (ma túy đá) của Th; 03 cân điện tử; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 giấy nộp tiền ngày 07/7/2016 của Nguyễn Xuân Th chuyển cho Hoàng Minh A số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). - (Bút lục số: 109).

* Tại Kết luận giám định số 245/PC54- KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 99,9772 gam.

- 08 (tám) viên nén hình tròn màu nâu chứa trong mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần MDMA, trọng lượng 2,0810 gam.

- Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M3 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 4,7635 gam.

- Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M4 được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 25,3633 gam.

Tại Bản án số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Xử phạt Nguyễn Xuân Th 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Hoàng Trúc L 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Anh T 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 04/6/2018 bị cáo Nguyễn Xuân Th kháng cáo kêu oan.

Ngày 22/5/2018, bị cáo Nguyễn Anh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày bị cáo Nguyễn Anh T rút đơn kháng cáo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 143/2019/HS-ST ngày 22/3/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân Th, huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với các nội dung về bị cáo Nguyễn Xuân Th.

Giữ nguyên các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018.

Tại Cáo trạng số 2821/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Th về tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Xuân Th phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Xuân Th 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/7/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân Th có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Xuân Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan. Bị cáo Th cho rằng không có hành vi bán ma túy cho L, việc L điện thoại cho bị cáo là hỏi mượn tiền và bị cáo đưa tiền cho Th2 (bạn của L), đồng thời số ma túy thu giữ tại căn hộ chung cư không phải là của bị cáo, của ai bị cáo không biết. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận số ma túy thu giữ tại căn hộ là của bị cáo vì cán bộ điều tra nói cứ nhận là ma túy của bị cáo thì sẽ được xử lý hành chính, bị cáo không nhớ tên cán bộ điều tra nào.

Người làm chứng Hoàng Trúc L cho rằng khi mới bị bắt do tâm thần hoảng loạn nên khai số ma túy là mua của Th nhưng thực tế là mua của Tài, không rõ nhân thân, lai lịch của Tài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời khai của Th và lời khai ban đầu của L cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ được thẩm tra rõ tại phiên tòa, đủ căn cứ để kết luận bị cáo Th đã tàng trữ khối lượng ma túy 25,3633 gram và bán cho L 99,9772 gram loại Methamphetamin. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Th về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan. Tuy nhiên, lẽ ra trong trường hợp này cần xử phạt bị cáo Th 02 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mới chính xác, nhưng do giới hạn của xét xử phúc thẩm, không làm xấu đi tình trạng của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu:

Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Th về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy” là không chính xác. Bản án phúc thẩm lần thứ nhất đã xác định rõ chưa đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nên đã huỷ án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ những vấn đề còn chưa rõ, tuy nhiên quá trình điều tra lại chưa làm rõ được. Với những vấn đề mà Bản án phúc thẩm đã nêu ra nhưng điều tra lại không làm rõ được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th, tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên toà. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự thì đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Th Th với bài bào chữa của luật sư, bị cáo không bổ sung gì thêm.

Bị cáo Th nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân Th đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định, được xác định là hợp lệ nên kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Xuân Th:

[3.1] Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Xuân Th không thừa nhận việc mua bán ma túy với Huỳnh Trúc L. Bị cáo Th thừa nhận diễn biến sự việc vào tối ngày 09/7/2016 Th có giao đồ cho Th2 để Th2 mang về cho L như lời trình bày của L và Th2, nhưng bị cáo cho rằng L chỉ liên hệ để mượn tiền của bị cáo, túi đồ mà bị cáo giao cho Th2 gồm tiền cho L mượn và 01 số chai nước giải khát, không có việc giao nhận việc giao ma túy. Xét lời trình bày của bị cáo Th là không có căn cứ, bởi lẽ: Sau khi bị lực lượng công an bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 10/7/2016, Huỳnh Trúc L đã khai như sau:

Tại bản tự khai ngày 10/7/2016 (173-174), Huỳnh Trúc L khai: “*Số ma túy công an thu giữ là tôi mua của anh Th, nhà ở Hà Nội (họ tên địa chỉ cụ thể tôi không biết), Vào khoảng 1h ngày 10/7/2016 tôi điện thoại cho anh Th hỏi mua 2 lạng ma túy đã theo số (0986205798) A Th sn: 1982, A Th đồng ý bán cho tôi với giá là 82.000.000đ...*”; do Th không xuống Đồng Nai giao hàng được nên L nhờ Th2 liên lạc với Th để nhận giùm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2016 (BL 171), Huỳnh Trúc L tiếp tục xác định: “*Nguồn ma túy cơ quan công an thu giữ của tôi là do anh Th bán cho tôi, cụ thể vào khoảng tháng 5/2016...*”.

Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can ngày 10/7/2016, ngày 22/7/2016, ngày 17/8/2016, ngày 01/9/2016 (BL177-194), Huỳnh Trúc L vẫn khẳng định bị cáo mua ma túy của Nguyễn Xuân Th; nhờ Nguyễn Th2 đi từ Đồng Nai lên Thành phố Hồ Chí Minh để nhận; sau khi nhận xong Th2 mang về nhà Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Thanh Th1 tại huyện Tr, tỉnh Đồng Nai giao cho L; L cân, chia nhỏ ma túy và đưa đi bán thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Lời khai của Huỳnh Trúc L phù hợp với lời khai của Nguyễn Th2 tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2016, 11/7/2016, 29/8/2016 (BL299-316), xác định vào tối ngày 09/7/2016, Th2 được L nhờ lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp Th có số điện thoại 0986205798 để nhận đồ giúp; Th2 gặp Th tại Bến xe M nhận đồ và đem về cho L; phù hợp với lời khai của Nguyễn Xuân Th xác nhận có giao đồ cho Th2 để Th2 giao cho L. Th2 mở túi xách trên ra xem thì thấy bên trong phía trên có mấy chai nước uống, phía dưới một sấp tiền Việt Nam đồng và dưới cùng là 01 bịch nylon màu đen bên trong chứa gì Th2 không rõ; lời khai này của Th2 phù hợp với lời khai của L: sau khi được Th2 chỉ chỗ túi xách, L mở túi xách ra thì thấy có mấy chai nước uống cùng tiền và cuối cùng là 01 bịch nylon màu đen bên trong có 01 gói nylon màu trắng có kích thước khoảng 16cm x 05cm, bên trong có chứa ma túy đá.

Đồng thời cũng phù hợp với diễn biến khách quan của sự việc được L, Th2, Th thừa nhận cụ thể: Vào tối ngày 09/7/2016, Th2 lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp Th để nhận đồ giùm; Th2 mang đồ về cho L trong đêm 09/7/2016 - rạng sáng ngày 10/7/2016; đến sáng ngày 10/7/2016 Th xuống Tr, Đồng Nai để gặp L thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Theo chỉ dẫn của Th, lực lượng chức năng khám xét nơi ở của Th tại căn hộ B5, tầng 3, chung cư K, tổ 36, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì thu giữ được 25,3633gam ma túy đá loại Methamphetamine; 03 cân điện tử; 02 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá.

Ngoài ra, bị cáo Th cho rằng chỉ giao dịch với L về việc vay mượn tiền là không phù hợp với thực tế khách quan khi Th giao tiền cho L mượn vào lúc 02 giờ sáng ngày 10/7/2016 nhưng đến 12 giờ ngày 10/7/2016 (thời điểm bị lực lượng chức năng bắt giữ) Th đã có mặt tại nhà T để nhận lại tiền cho L mượn. Diễn biến này lại phù hợp với lời khai ban đầu của L xác định số ma túy mua của Th (nhờ Th2 nhận giùm) vào ngày 09/7/2016, L chưa trả tiền, do Th mệt nên hẹn sáng hôm sau (tức ngày 10/7/2016) mới xuống Tr để gặp L. Đối với số tiền 130.000.000 đồng có trong túi xách cùng ma túy, theo lời khai của L là do Th để nhầm vào túi ma túy giao cho Th2, chính vì vậy mà ngay trong sáng 10/7/2016 Th đi xuống nhà của T, Thuý để lấy lại tiền thì bị bắt giữ. Do đó, Th nại ra rằng L điện thoại là để mượn tiền chứ không phải điện thoại hỏi mua ma túy là không có cơ sở chấp nhận.

Tại biên bản đối chất ngày 25/10/2016 giữa Huỳnh Trúc L và Nguyễn Xuân Th; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2017 (BL 197-202) Huỳnh Trúc L thay đổi lời khai xác định chỉ nhờ Th2 lên Thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền từ Th; còn số ma túy bị bắt quả tang là do L mua của người tên T1 tại khách sạn KTD, thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nhưng Kết quả điều tra, xác minh của cơ quan điều tra xác định vào thời điểm ngày 09 và 10/7/2016, không có đối tượng nào tên T1 đăng ký lưu trú tại khách sạn KTD, thuộc thành phố B. Huỳnh Trúc L cũng không cung cấp được nhân thân, lai lịch, cách thức liên lạc với đối tượng tên T1 mà L khai ra; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mua bán ma túy

với đối tượng tên T1. Như vậy, việc thay đổi lời khai của Huỳnh Trúc L không phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã viện dẫn trên. Trong khi đó, tại biên bản đối chất ngày 25/10/2016 (BL457-458), L khai như sau: *“lời khai trước đây của tôi trước cơ quan điều tra và những bản tự khai do tôi tự viết là tôi có mua ma túy của anh Th đây cụ thể là vào tối ngày 09/7/2016 nhưng hôm nay cho tôi và anh Th đây đối chất do anh Th đây không nhận nên tôi cũng không nhận nữa, nếu bây giờ cơ quan điều tra hỏi mà anh Th đây nhận thì tôi cũng sẽ nhận”*. Sau đó, tại biên bản đối chất ngày 21/11/2016 giữa Huỳnh Trúc L và Nguyễn Xuân Th (BL459-460), L lại thay đổi lời khai khẳng định việc mua ma túy của Th vào ngày 09/7/2016.

Tổng hợp, đánh giá toàn bộ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Xuân Th và Hoàng Trúc L có mối quan hệ quen biết, thân thiết với nhau, đều là các đối tượng nghiện ma túy, Hoàng Trúc L biết rõ bị cáo Th hoạt động mua bán ma túy nên đêm 09/7/2016 điện thoại cho Th đề mua ma túy, khối lượng ma túy Hoàng Trúc L bị bắt quả tang là mua của Nguyễn Xuân Th.

Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Xuân Th đối với hành vi mua bán trái phép 99,9772gam ma túy đá, loại Methamphetamine là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3.2]. Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:

Bị cáo Th cho rằng số ma túy thu giữ được tại căn hộ B5 là của Hoàng Thị Diệu H; nằm trong phòng ngủ của Hiền; Hiền mới là người có chìa khóa mở ngăn tủ có chứa chất ma túy bị thu giữ. Xét lời khai này của bị cáo là không có căn cứ vì: căn nhà trên, Th nhờ bạn là Hoàng Thị Diệu H thuê hộ; cả Th và H đều thừa nhận nội dung này. Cơ quan điều tra xác minh những người làm chứng là bảo vệ và người cư trú lân cận cũng xác định Th là người thường về ở tại căn hộ trên. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2016 (BL328) chị H khai như sau: *“...Tuy căn hộ có 02 phòng ngủ nhưng do anh Th ít ở đây nên khi nào anh Th về ở thì anh Th ngủ một phòng còn tôi ở phòng còn lại, chứ tôi và Th không phân chia cụ thể”, “Tôi cầm chìa khóa tủ trên là do anh Th nói tôi làm thành 2 bộ nên tôi có chìa khóa trên..”*. Như vậy, không đủ cơ sở để xác định phòng ngủ có thu giữ được chất ma túy là của riêng chị H, bị cáo Th không sử dụng và chỉ có chị H mới có chìa khóa để mở tủ.

Theo diễn biến sự việc khách quan thì sau khi bị lực lượng chức năng bắt giữ vào ngày 10/7/2016; theo lời khai và sự chỉ dẫn của Nguyễn Xuân Th, cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Th tại căn hộ B5, tầng 3, chung cư K, tổ 36, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và thu giữ: 02 bọc nylon màu trắng có kích thước khoảng 10cm x 15cm mỗi bọc, bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu mẫu M4) Th khai là ma túy tổng hợp (ma túy đá) của Th; 03 cân điện tử; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 giấy nộp tiền ngày 07/7/2016 của Nguyễn Xuân Th chuyển cho Hoàng Minh A số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 10/7/2016 (244), Nguyễn Xuân Th khai nhận *“Tôi xin nói thật là khi các anh công an khám nhà tôi thuê thu giữ của tôi 03 cân điện tử và 02 gói ma túy đá nhỏ...”*.

Biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2016 (BL 248), bị cáo Nguyễn Xuân Th khai *“Khi cơ quan công an khám xét nhà tôi thuê (Hiền thuê giúp) đã thu giữ gồm:*

- 3 (ba) cân điện tử
- 2 (hai) gói nylon chứa ma túy đá
- 2 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá

Tất cả số tang vật trên là của tôi. Số ma túy tôi mua của một người thanh niên tên Cường (không rõ tên tuổi và địa chỉ cụ thể) tại khu vực cầu chữ Y, thuộc TPHCM vào tối ngày 9/7/2016, tôi mua số ma túy trên với giá 8.000.000đ... ”.

Lời khai của Th phù hợp với lời khai của Hoàng Thị Diệu H tại bản tự khai ngày 10/7/2016 “...*thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chung cư tôi và Th ở và lập biên bản thu giữ đồ vật, đó là của anh Th còn tôi không biết gì hết*”.

Với các chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Th đã cất giấu số ma túy có khối lượng 25,3633 gam Methamphetamine.

[3.3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân Th là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước về cất giữ, vận chuyển, trao đổi các chất ma túy, ngoài ra còn gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra năm 2016 nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Th là đúng pháp luật. Do khối lượng ma túy mà bị cáo mua bán là 99,9772gam loại Methamphetamine và tàng trữ 25,3633 gam Methamphetamine, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam*” theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng, không oan. Lẽ ra, trong trường hợp này cần phải xử phạt bị cáo 02 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vì hành vi bị cáo Th cất giấu số ma túy có khối lượng 25,3633 gam Methamphetamine là độc lập với hành vi bị cáo bán ma túy cho L. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này và do tính chất của xét xử phúc thẩm, không làm xấu đi tình trạng của bị cáo nên Hội đồng xét xử nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3.4] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Th không xuất trình được tình tiết nào mới có thể làm thay đổi quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[4] Quan điểm của luật sư bào chữa cho rằng chưa đủ cơ sở kết án bị cáo về tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Th phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Xuân Th. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1/. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Xuân Th phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”.

2/. Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

3/. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Xuân Th 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

4/. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân Th phải chịu 200.000 đồng.

5/. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (2);
- Lưu VP(3), HS(2).HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh